



**DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG**  
**HỘI ĐỒNG THI NGÀY 25.10.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 5.20**

| STT | SBD                | Họ và tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Số CCCD/Hộ chiếu | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------------------|-----------|------------|------------------|-----------|---------|
| 1   | H52518850200000001 | NGUYEN TIEN DUNG     | 男         | 1989-08-19 | 025089010619     | LE 5.20   |         |
| 2   | H52518850200000002 | VU LINH LINH         | 女         | 1995-12-25 | 025195005647     | LE 5.20   |         |
| 3   | H52518850200000003 | HOANG THI THU HA     | 女         | 2003-02-14 | 026303004871     | LE 5.20   |         |
| 4   | H52518850200000004 | NGUYEN THI MAI ANH   | 女         | 1997-09-14 | 027197010106     | LE 5.20   |         |
| 5   | H52518850200000005 | DIEM HA ANH          | 女         | 2003-02-27 | 027303007703     | LE 5.20   |         |
| 6   | H52518850200000006 | DO HA THUY           | 女         | 2003-08-08 | 030303004244     | LE 5.20   |         |
| 7   | H52518850200000007 | NGUYEN PHUONG ANH    | 女         | 2008-08-15 | 033308010619     | LE 5.20   |         |
| 8   | H52518850200000008 | TO THI QUYNH TRANG   | 女         | 1998-08-03 | 034198012669     | LE 5.20   |         |
| 9   | H52518850200000009 | PHAM THI MINH ANH    | 女         | 2003-10-19 | 034303008517     | LE 5.20   |         |
| 10  | H52518850200000010 | NGUYEN THI LUA HA    | 女         | 2003-09-06 | 036303003711     | LE 5.20   |         |
| 11  | H52518850200000011 | LE THI THU           | 女         | 2002-09-19 | 038302018143     | LE 5.20   |         |
| 12  | H52518850200000012 | NGUYEN VIET PHONG    | 男         | 1995-07-07 | 040095038303     | LE 5.20   |         |
| 13  | H52518850200000013 | TANG THI THANH THAO  | 女         | 2002-09-09 | 040302020769     | LE 5.20   |         |
| 14  | H52518850200000014 | QUAN NHU Y           | 女         | 2005-12-06 | 040305013045     | LE 5.20   |         |
| 15  | H52518850200000015 | MAI THI THANH THUONG | 女         | 2003-09-02 | 051303001080     | LE 5.20   |         |
| 16  | H52518850200000016 | LE TRAN MY THU       | 女         | 2006-09-04 | 064306002967     | LE 5.20   |         |
| 17  | H52518850200000017 | LE THANH NGAN        | 女         | 2008-05-23 | 079308032663     | LE 5.20   |         |
| 18  | H52518850200000018 | DAO THI THANH HUYEN  | 女         | 2003-09-29 | E00788691        | LE 5.20   |         |

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK**



**DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG**

**HỘI ĐỒNG THI NGÀY 25.10.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 5.21**

| STT | SBD                | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Số CCCD/Hộ chiếu | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------|-----------|------------|------------------|-----------|---------|
| 1   | H52518850200000019 | NGUYEN THI HOA         | 女         | 1988-11-12 | 001188044008     | LE 5.21   |         |
| 2   | H52518850200000020 | KHIEU NGOC DIEP        | 女         | 1992-12-01 | 001192002718     | LE 5.21   |         |
| 3   | H52518850200000021 | NGUYEN THI THANH HA    | 女         | 2001-01-17 | 001301014228     | LE 5.21   |         |
| 4   | H52518850200000022 | NGUYEN THAO HUYEN      | 女         | 2003-08-07 | 001303032850     | LE 5.21   |         |
| 5   | H52518850200000023 | BUI THI NGUYET HA      | 女         | 2004-10-19 | 001304019118     | LE 5.21   |         |
| 6   | H52518850200000024 | DO THI MINH THU        | 女         | 2008-10-21 | 001308020107     | LE 5.21   |         |
| 7   | H52518850200000025 | VU THANH NGUYET        | 女         | 2008-05-01 | 001308021868     | LE 5.21   |         |
| 8   | H52518850200000026 | NGUYEN NHAT MAI        | 女         | 2008-11-07 | 0023080000460    | LE 5.21   |         |
| 9   | H52518850200000027 | NGUYEN QUOC THAI BAO   | 男         | 2008-09-10 | 010208010283     | LE 5.21   |         |
| 10  | H52518850200000028 | CHAO MUI NAY           | 女         | 2003-08-22 | 010303008724     | LE 5.21   |         |
| 11  | H52518850200000029 | TAN THANH HANG         | 女         | 2010-11-26 | 012310008332     | LE 5.21   |         |
| 12  | H52518850200000030 | PHAM HONG TRUONG       | 男         | 1980-05-14 | 017080000640     | LE 5.21   |         |
| 13  | H52518850200000031 | NGUYEN THI MINH PHUONG | 女         | 1999-11-28 | 019199003345     | LE 5.21   |         |
| 14  | H52518850200000032 | TRAN THI NGOAN         | 女         | 2000-09-28 | 019300000514     | LE 5.21   |         |
| 15  | H52518850200000033 | CHU BICH THUY          | 女         | 2003-10-02 | 020303008374     | LE 5.21   |         |
| 16  | H52518850200000034 | HOANG KIEU OANH        | 女         | 2004-12-25 | 020304005151     | LE 5.21   |         |
| 17  | H52518850200000035 | NONG THI LAN ANH       | 女         | 2004-02-13 | 020304007990     | LE 5.21   |         |
| 18  | H52518850200000036 | TRAN CHI HAN           | 女         | 2008-10-15 | 020308003244     | LE 5.21   |         |
| 19  | H52518850200000037 | HOANG VAN QUYEN        | 男         | 1996-12-21 | 022096001838     | LE 5.21   |         |
| 20  | H52518850200000038 | NGUYEN VAN TRINH       | 男         | 1998-01-10 | 022098000610     | LE 5.21   |         |
| 21  | H52518850200000039 | NGUYEN THANH HIEN      | 女         | 1998-02-22 | 022198008139     | LE 5.21   |         |
| 22  | H52518850200000040 | NGUYEN THI THU HOAI    | 女         | 2002-12-13 | 022302006372     | LE 5.21   |         |
| 23  | H52518850200000041 | TRAN LAN ANH           | 女         | 1994-10-01 | 024194001147     | LE 5.21   |         |
| 24  | H52518850200000042 | TU THI MINH NGOC       | 女         | 1999-10-08 | 024199010479     | LE 5.21   |         |
| 25  | H52518850200000043 | NGHIEM THI MAI ANH     | 女         | 2004-02-22 | 024304008901     | LE 5.21   |         |
| 26  | H52518850200000044 | CAO THANH TRA          | 女         | 2004-11-20 | 024304012570     | LE 5.21   |         |
| 27  | H52518850200000045 | CHU THI KIM OANH       | 女         | 2004-12-10 | 024304013376     | LE 5.21   |         |
| 28  | H52518850200000046 | NGUYEN HA LINH         | 女         | 2008-08-25 | 024308004145     | LE 5.21   |         |
| 29  | H52518850200000047 | HOANG THAO LAN         | 女         | 2008-06-10 | 024308004475     | LE 5.21   |         |
| 30  | H52518850200000048 | HOANG QUYNH ANH        | 女         | 2008-09-15 | 024308008861     | LE 5.21   |         |